

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 668/2017/HSPT
Ngày : 19/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Uyên Thy**

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Ông Vũ Hoài Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 594/2017/HSPT ngày 24/10/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Hiếu N, Nguyễn Thanh P, Huỳnh Phương T3, Hàn Tân X, Trương Phú T2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trí D; sinh năm 1973 tại Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: Z1 LVL, Tổ A1, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Y1 (chết) và bà Y2 (1942); có vợ là Y3 (1985) và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ ngày 25/12/2016 đến ngày 01/01/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Văn M; sinh năm 1978 tại tỉnh V; Hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh V; Chỗ ở: A3 Đường S1, tổ H1, khu phố L1, phường P, Quận P1, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Y4 (chết) và bà Y5 (1953); có vợ là Y6 (1981) và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1995 tại tỉnh V; Hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh V; Chỗ ở: tổ J1, ấp J2, xã L, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Y4 (chết) và bà Y5 (1953); chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Văn V; sinh năm 1997 tại tỉnh V; Hộ khẩu thường trú: ấp C1, xã C2, huyện C, tỉnh V; Chỗ ở: tổ J1, ấp J2, xã L, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Y6 (1974) và bà Y7 (1974); chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn Văn C; sinh năm 1993 tại tỉnh V; Hộ khẩu thường trú: ấp T1, xã T2, huyện T, tỉnh V; Chỗ ở: tổ J1, ấp J2, xã L, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông Y8 (1959) và bà Y9 (1960); tại phiên tòa bị cáo khai có vợ là Y10 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Nguyễn Hữu T1; sinh năm 1987 tại tỉnh G; Hộ khẩu thường trú: 147 tổ H1, ấp J2, xã D1, huyện D, tỉnh G; Chỗ ở: A3 Đường S1, tổ H1, khu phố L1, phường P, Quận P1, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Y11 (1965) và bà Y12 (1966); có vợ là Y13 (1989) và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Trương Phú T2; sinh năm 1981 tại Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: X9, tổ M1, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Y14 (1948) và bà Y15 (1948); có vợ là Y16 (1981) và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Hàn Tân X; sinh năm 1986 tại tỉnh L; Hộ khẩu thường trú: F1 LVL, tổ P6, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Y17 (1961) và bà Y18 (1964); có vợ là Y19 (1988) và 01 con sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Huỳnh Phương T3; sinh năm 1987 tại Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: 3/4, tổ J1, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Y20 (1942) và bà Y21 (1949); có vợ là Y22 (1988) và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Nguyễn Thanh P; sinh năm 1984 tại Thành phố H; Hộ khẩu thường trú: E1, Tổ A1, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Sơn nước; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Y23 (1955) và bà Y24 (1955); có vợ là Y25 (1986) và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Nguyễn Hiếu N (tự Hiệp); sinh năm 1980 tại tỉnh L; Hộ khẩu thường trú: Ấp G7, xã L1, huyện L2, tỉnh L; Chỗ ở: tổ 9, Ấp G7, xã N1, huyện N, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Y26 (1952) và bà Y27 (1959); có vợ là Y28 (1979) và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trí D và bị cáo Nguyễn Hiếu N: Ông Bùi Quang Cảnh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang Cảnh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Đ: Ông Nguyễn Năng Quang - Luật sư của Văn phòng Luật sư Tâm Nguyên Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 25/12/2016, tại bãi đất trống thuộc ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Trí D đứng ra tổ chức cho gà của Nguyễn Văn M đá với gà của Trương Phú T22, với số tiền cược mỗi bên lúc đầu là 2.000.000 đồng, D lấy 10% tiền xâu.

Do số người tham gia đá gà thắng thua bằng tiền mỗi bên nhiều, nên hai bên thống nhất nâng số tiền cược mỗi bên của trận đá gà này từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng, D lấy xâu 5% trên số tiền tăng thêm.

Phía bên M gồm có: M, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Đỗ Thanh K.

Phía bên Trương Phú T2 gồm có: Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hiếu N.

Sau khi D cân gà cho hai bên, gà của bên Trương Phú T2 nặng hơn gà của bên Nguyễn Văn M, nên bên T2 đã chấp ăn 8 (nếu gà của T2 đá thắng, chỉ ăn được số tiền 4.000.000 đồng, còn gà của M đá thắng, ăn được số tiền 5.000.000 đồng). Tổng số tiền cược thắng thua trong trận đá gà là 9.000.000 đồng.

Phía bên M có M hùn 2.500.000 đồng, T1 hùn 500.000 đồng, Nguyễn Văn Đ hùn 250.000 đồng, V hùn 250.000 đồng, K hùn 250.000 đồng và C hùn 250.000 đồng. Gà bên M do T1 băng cựa, thả gà ra đá.

Phía bên T2 có T2 hùn 1.500.000 đồng, X hùn 1.000.000 đồng, T3 hùn 1.000.000 đồng, P hùn 1.000.000 đồng và N hùn 500.000 đồng. Gà bên T2 do T2 băng cựa, thả gà ra đá.

Sau khi hai bên thỏa thuận xong, D đứng ra làm trọng tài đếm để hai bên thả gà ra đá và gà bên M thắng, D đã gom 5.000.000 đồng của bên thua, lấy tiền xâu 350.000 đồng và đưa cho M 4.650.000 đồng để M chia cho nhóm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Đối với trận đá gà trên, quá trình điều tra còn xác định: Kim Z bỏ ra 200.000 đồng, Nguyễn Văn H1 bỏ ra 200.000 đồng và Bùi Văn H2 bỏ ra 100.000 đồng để nhờ Đoàn Thanh K đá hàng xáo bên ngoài. K đã cược hết số tiền của Z, H1 và H2

vào gà bên M, đá hàng xáo với một người thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch, theo gà bên T2). Trận gà này bên M thắng, khi Z, H1 và H2 đang nhận tiền thắng từ K thì bị bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Z, H1 và H2.

Trong quá trình điều tra còn xác định: Trước đó, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/12/2016, Nguyễn Trí D còn tổ chức, làm trọng tài và lấy tiền xâu 01 trận đá gà thắng thua bằng tiền khác, cụ thể: Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 25/12/2016, D tổ chức cho nhóm của M (gồm M, Đ, V, C, T1 và K) đá gà thắng thua bằng tiền với nhóm thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, với số tiền cược mỗi bên là 2.500.000 đồng. D thu được 250.000 đồng tiền xâu.

Ngoài ra, Nguyễn Trí D còn khai nhận: Từ khoảng tháng 9/2016 đến trước ngày 25/12/2016, D đã tổ chức cho một số người chơi đá gà thắng thua bằng tiền tại bãi đất trống thuộc ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè được 03 lần, mỗi lần lấy xâu được 250.000 đồng, tổng tiền xâu của cả 03 lần là 750.000 đồng.

Riêng đối tượng Đỗ Thanh K hiện đang bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhà Bè tiếp tục truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hiếu N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Trí D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2016 đến ngày 01/01/2017.

Buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.350.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Hữu T1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

6. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trương Phú T2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hàn Tân X 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

8. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Huỳnh Phương T3 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

9. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thanh P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

10. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Hiếu N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

11. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33; Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/9/2017, bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 25/9/2017, bị cáo Huỳnh Phương T3 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 27/9/2017, bị cáo Hàn Tân X có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho các bị cáo, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trí D và bị cáo Nguyễn Hiếu N trình bày: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm ghi nhận, bị cáo Nguyễn Trí D nay đã nộp án phí sơ thẩm, tiền phạt cũng như tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên; bị cáo có việc làm ổn định và có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo N, do nhận thức kém, không hiểu biết pháp luật; lần phạm tội này bị cáo cũng đã tự nộp án phí và tiền phạt như án sơ thẩm đã tuyên; hoàn cảnh gia đình của bị cáo cũng khó khăn, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ; ngoài ra tổng số tiền bị cáo tham gia đá gà không lớn, nhưng án sơ thẩm vừa tuyên phạt tù vừa tuyên phạt tiền là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của luật sư và các bị cáo.

XÉT THẤY:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N đều làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Xét về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, từ đó xác định được: Vào ngày 25/12/2016, tại bãi đất trống thuộc Ấp J2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, bị cáo Nguyễn Trí D đã đứng ra để tổ chức cho hai nhóm người cá cược chọi gà thắng thua bằng tiền để lấy tiền xâu.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hiếu N cùng góp tiền cá cược với nhau chọi gà thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền cược thắng thua trong trận đá gà là 9.000.000 đồng. Với hành vi trên, các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Hiếu N đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Trí D đã tổ chức cho hơn 10 người đánh bạc và lấy tiền xâu, nhưng địa điểm tổ chức đánh bạc trên không thuộc quyền sở hữu, quản lý của bị cáo D, nên căn cứ Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Trí D phạm tội “Đánh bạc” là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

Các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hiếu N, Hàn Tân X đã nộp tiền án phí và tiền phạt như án

sơ thẩm đã tuyên. Đây là nghĩa vụ mà các bị cáo phải thực hiện trong bản án do hành vi phạm tội của mình, nên không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về ý kiến của luật sư cho rằng cấp sơ thẩm vừa áp dụng hình phạt tù, vừa áp dụng hình phạt tiền cho bị cáo là không phù hợp, Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là hình phạt bổ sung, áp dụng cùng với hình phạt tù là hình phạt chính bị cáo phải chịu, là đúng quy định pháp luật nên, ý kiến của Luật sư không có cơ sở xem xét.

Về mức hình phạt của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Trí D là người tổ chức cho các bị cáo khác tham gia đá gà ăn tiền, là người rủ rê các bị cáo khác cùng phạm tội, ngoài ra bị cáo D khai nhận trước ngày 25/12/2016 bị cáo cũng đã đứng ra tổ chức đá gà ăn tiền nhiều lần, do đó cần giữ nguyên mức án sơ thẩm đối với bị cáo D, áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo răn đe, giáo dục được bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu T1 xin hưởng án treo nhưng không trình bày tình tiết nào mới để xem xét cho các bị cáo, cũng không xin giảm nhẹ hình phạt, do đó không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N, tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo và bày tỏ thái độ rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nhận thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có việc làm ổn định, là lao động chính trong gia đình và có con còn nhỏ cần chăm sóc, đặc biệt nhận thấy tại phiên tòa các bị cáo đã nhận thức được sai lầm của mình và có mong muốn sống tốt phần đầu lo cho gia đình, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cho các bị cáo mà cần tạo điều kiện để các bị cáo đi làm chăm lo xây dựng gia đình, phần đầu trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, do đó áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu T1.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu T1, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Trí D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2016 đến ngày 01/01/2017.

Buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn M** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt: 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn V** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt: 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn C** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Hữu T1** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trương Phú T2** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Hàn Tân X 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Huỳnh Phương T3 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thanh P 09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Hiếu N 03** (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn Đ 03** (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền mà các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hiếu N, Hàn Tân X đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, tiền phạt và tiền thu lợi bất chính như án sơ thẩm đã tuyên theo Biên lai thu tiền số 6608 ngày 06/10/2017 và các Biên lai thu tiền số 6613, 6614, 6615, 6616 ngày 18/10/2017, Biên lai thu tiền số 6630 ngày 02/11/2017 và Biên lai thu tiền số 6709 ngày 18/12/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn Đ, Trương Phú T2, Hàn Tân X, Huỳnh Phương T3, Nguyễn Thanh P và Nguyễn Hiếu N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Trí D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu T1 mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM (2)
- VKSND TP.HCM; (4)
- VKSND huyện Nhà Bè; (1)
- P.PC53 – CATP; (1)
- Bị cáo; (11)
- THA huyện Nhà Bè; (1)
- TAND huyện Nhà Bè; (1)
- Công an huyện Nhà Bè; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (11)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (40). (6)

Phạm Uyên Thy